



Andrew P. Hill High School

2020-21 Phiếu báo cáo trách nhiệm của nhà trường

Thông tin chung về Phiếu báo cáo trách nhiệm của nhà trường (SARC)

Tổng quan

Theo luật tiểu bang, trước ngày 1 tháng Hai hàng năm, tất cả trường học ở California đều phải công bố Phiếu Báo cáo Trách nhiệm Giải trình của Trường học (SARC). SARC có thông tin về tình trạng và kết quả hoạt động của mỗi trường công lập tại tiểu bang California. Theo Công thức Tài trợ cho việc Kiểm soát tại Địa phương (LCFF), tất cả các Cơ quan Giáo dục Địa phương (LEA) phải chuẩn bị một Kế hoạch Kiểm soát và Trách nhiệm Giải trình tại Địa phương (LCAP) mô tả phương thức để các trường đạt được các mục tiêu dự định hàng năm cụ thể cho tất cả các học sinh, với các hoạt động cụ thể nhằm giải quyết các ưu tiên của địa phương và tiểu bang. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

Để biết thêm thông tin về các yêu cầu của SARC và xem các báo cáo của năm trước, vui lòng truy cập trang web của Sở Giáo Dục California (California Department of Education – CDE) tại www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/

Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, xem trang Web về LCFF của CDE tại www.cde.ca.gov/fq/aa/lc/

Để biết thêm thông tin về trường, phụ huynh/người giám hộ và cư dân trong cộng đồng có thể liên lạc với hiệu trưởng hoặc văn phòng học khu.

DataQuest



DataQuest là một công cụ trực tuyến trên DataQuest của CDE tại dq.cde.ca.gov/dataquest/ có thông tin bổ sung về trường học này và dữ liệu so sánh trường với học khu và quận. trang Web Cụ thể thì DataQuest là một hệ thống năng động cung cấp báo cáo về giải trình trách nhiệm (ví dụ: dữ liệu kiểm tra, học sinh ghi danh, tỷ lệ tốt nghiệp trung học, tỷ lệ bỏ học, học sinh ghi danh khóa học, nhân sự, và dữ liệu về người học tiếng Anh).

Bảng Thông Tin Khối Trường Học tại California



Bảng Thông Tin Khối Trường Học tại California (Bảng Thông Tin) www.caschooldashboard.org/ chi tiết về trách nhiệm và chủ trương không ngừng cải thiện chất lượng đồng thời cung cấp các thông tin về cách thức mà các LEA và các trường đáp ứng được nhu cầu của tất cả học viên. Bảng Thông Tin có cả các báo cáo về hiệu quả hoạt động của các LEA, các trường và các nhóm học viên dựa trên các tham số cấp địa phương và cấp tiểu bang nhằm hỗ trợ nhận biết các điểm mạnh, thách thức và điểm yếu cần khắc phục.

Truy cập Internet

Truy cập Internet sẵn có tại các thư viện công cộng và các địa điểm khác mở cửa cho công chúng (ví dụ: Thư viện Tiểu bang California). Truy cập Internet tại thư viện và nơi công cộng thường được cung cấp theo quy tắc người tới trước dùng trước. Những hạn chế về sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, khoảng thời gian có thể dùng máy trạm (phụ thuộc vào tình trạng sẵn có), loại chương trình phần mềm sẵn có trên máy trạm, và khả năng in tài liệu.

Thông tin liên hệ của nhà trường năm học 2021 – 2022

Tên Trường	Andrew P. Hill High School
Đường	3200 Senter Rd.
Thành phố, Tiểu bang, Mã số Zip	San Jose, CA, 95111
Số điện thoại	408.347.4100
Hiệu trưởng	Jose H Hernandez
Địa chỉ Email	hernandezjo@esuhsd.org
Website Trường	http://andrewphill.esuhsd.org/
Mã Học khu của Quận (CDS)	43694274332995

Thông tin liên hệ của học khu năm học 2021 – 2022

Tên Học khu	East Side Union High School District
Số điện thoại	(408) 347-5000
Giám đốc	Glenn Vander Zee
Địa chỉ Email	vanderzeeg@esuhsd.org
Website Học khu	www.esuhsd.org

Tổng quan trường học năm học 2021 – 2022

Andrew P. Hill High School was one of the first school's to open in the East Side Union High School District and is the only district high school to offer the International Baccalaureate (IB) Middle Years and Diploma Programs. All 9th and 10th grade students are part of the IB Middle Years Program with courses focused on developing the Approaches to Learning Skills: communication, self-management, social, research and thinking. Students speak more than thirteen different languages and come from diverse cultural backgrounds. Andrew P. Hill High School supports college and career readiness by offering a variety of pathways/academies: Health and Medical Pathway, JROTC, Multimedia Academy, Legal Practices Academy and Puente Program.

The vision and mission at Andrew P Hill High School; All AHHS students will graduate as morally and ethically responsible lifelong learners with the ability to earn a post-secondary degree, succeed in the 21st century workforce, and effectively support a diverse global society.

Giới thiệu về Trường

2021-22 Học sinh Ghi danh theo Cấp lớp

Cấp lớp	Số Học sinh
Lớp 9	452
Lớp 10	462
Lớp 11	485
Lớp 12	483
Tổng Ghi danh	1,882

2020-21 Học sinh Ghi danh theo Nhóm Học sinh

Nhóm Học sinh	Phần trăm trong Tổng Ghi danh
Nữ	50.4
Nam	49.6
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người	0.2
Người gốc Châu Á	34.7
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc	2.6
Người Phi Luật Tân	3.8
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La	55.7
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo	0.4
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng	0.9
Người Da trắng	1.8
Sinh viên nói tiếng anh	29.2
Những đứa con nuôi	0.3
Vô gia cư	2.2
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội	66.2
Học sinh khuyết tật	11.7

A. Điều kiện Học tập

Ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Cơ Bản (Ưu Tiên 1):

- Mức độ giáo viên được phân công một cách thích đáng và có đầy đủ bằng cấp chứng nhận trong lĩnh vực môn học và với các học sinh họ đang giảng dạy;
- Học sinh được tiếp cận với các tài liệu giảng dạy theo tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất của trường được giữ gìn tốt.

Giám sát: For more information refer to the Updated Teacher Equity Definitions web page at <https://www.cde.ca.gov/pd/ee/teacherequitydefinitions.asp>

Sự chuẩn bị và phân công giáo viên năm học 2019 – 2020

Ủy quyền/bổ nhiệm	2019-20
Có đầy đủ chứng chỉ (sơ bộ hoặc rõ ràng) đối với việc phân công môn học và học sinh (được bổ	
Người có chứng chỉ thực tập được bổ nhiệm thích hợp	
Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	
Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	
Không xác định	
Tổng số vị trí giảng dạy	

Giám sát: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái Tương đương toàn thời gian (FTE). Một đơn vị Tương Đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian. Ngoài ra, bổ nhiệm có nghĩa là một vị trí mà nhà giáo dục được chỉ định dựa trên bối cảnh, môn học và cấp lớp. Ủy quyền bao gồm các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (được coi là “không hiệu quả” theo ESSA) năm học 2019 – 2020

Ủy quyền/bổ nhiệm	2019-20
Giấy phép và Chứng nhận miễn trừ	
Bổ nhiệm sai	
Các vị trí còn trống	
Tổng số giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai	

Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (được coi là “ngoài lĩnh vực” theo ESSA) năm học 2019 – 2020

Chỉ báo	2019-20
Giáo viên có chứng chỉ được ủy quyền trên Giấy phép hoặc Chứng nhận miễn trừ	
Tùy chọn phân công nội bộ	
Tổng số giáo viên ngoài chuyên môn	

Phân công lớp học năm học 2019 – 2020

Chỉ báo	2019-20
Bổ nhiệm sai cho Học sinh học Anh ngữ (tỷ lệ phần trăm của tất cả các lớp có học sinh Anh ngữ do giáo viên không đúng chuyên môn giảng dạy)	
Không có chứng chỉ, giấy phép hoặc ủy quyền để giảng dạy (tỷ lệ phần trăm của tất cả các lớp do giáo viên không có hồ sơ về giấy phép giảng dạy đúng lớp)	

2021-22 Chất Lượng, Tình Trạng Cập Nhật, Tình Trạng Sẵn Có Của Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy

Andrew Hill High School utilizes textbooks and instructional materials approved and adopted through our IPC. These materials most directly support standards-based teaching aligned with common core teaching.

Tháng, năm thu thập dữ liệu

October 2021

Môn học	Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy/Năm Phê chuẩn	Từ Đợt Phê chuẩn Gần nhất?	Phần trăm Học sinh Không Có Sách Được Chỉ định Riêng
Độc/Ngôn ngữ	English 1 – “The Language of Literature” Grade 9, McDougal Littell 2002 English 2 – “The Language of Literature” Grade 10, McDougal Littell 2002 English 3 – MyPerspectives: American Literature//Pearson ERWC (English 4)-- Expository Reading and Writing Course Student Reader AP Composition and Language-- The Norton Reader AP Composition and Literature--The Intro to Literature	Yes	0%
Toán	CCSS Math 1 – “Big Ideas Integrated Mathematics I,” Big Ideas Learning, LLC 2016 CCSS Math 2 – “Big Ideas Integrated Mathematics II,” Big Ideas Learning, LLC 2016 CCSS Math 3 – “Big Ideas Integrated Mathematics III,” Big Ideas Learning, LLC 2016 Math Analysis – “Precalculus With Limits A Graphing Approach” Brooks/Cole Cengage Learning 2012 AP Calculus AB - Calculus w/Analytic Geometry, 9th ed: Houghton Mifflin Harcourt; 2010 AP Calculus BC - Calculus w/Analytic Geometry, 9th ed: Houghton Mifflin Harcourt; 2010 IB Math AA HL 1 - “Mathematics for the IB Diploma: Analysis and Approaches SL,” Hodder 2019 IB Math AA HL 2 - “Mathematics for the IB Diploma: Analysis and Approaches HL,” Hodder 2019 IB Math AI HL 1 - “Mathematics for the IB Diploma: Applications and Interpretations SL,” Hodder 2019 IB Math AI HL 2 - “Mathematics for the IB Diploma: Applications and Interpretations HL,” Hodder 2019	Yes	0%
Khoa học	NGSS Biology - The Living Earth -- CK-12 eTextbook NGSS Chemistry in Earth's System – CK-12 eTextbook NGSS Physics of the Universe - CK-12 eTextbook Forensic Science - A Hands-on Introduction to Forensics Science, 2014 Hole's Anatomy and Physiology - 9th edition, McGraw Hill IB Biology - Oxford Press 2014 IB Chemistry- Oxford Press 2014 IB Physics - Oxford Press 2014 Physical Science Essentials - CK-12 eTextbook Living Earth Essentials - CK-12 eTextbook	Yes	0%
Lịch sử-Khoa học Xã hội	World History – “Modern World History” McDougal-Littell 2003 US History – “The American Vision” Glencoe/McGraw Hill 2006	Yes	0%

	American Government – "Government Alive! Power, Politics and You" TCI 2014 Economics – "Econ Alive! The Power to Choose" TCI 2015 AP World History - "The Earth and Its Peoples AP Edition" Cengage Learning 2018 AP US History - "America's History for the AP Course" Bedford 2014 AP Government - "Government in America" Pearson Learning 2014 AP Macro/Micro Economics - "Economics (AP)" McGraw Hill 2014 AP Human Geography - "The Cultural Landscape: An Introduction" Prentice Hall 2014 AP Psychology - "Psychology for AP" Worth 2015 World Geography - "Geography Alive!" TCI 2011		
Ngoại ngữ	Textbooks and Instructional Materials in use are standards aligned and officially adopted	Yes	0%
Giáo dục Sức khỏe	Textbooks and Instructional Materials in use are standards aligned and officially adopted	Yes	0%
Nghệ thuật Hình Ảnh và Trình Diễn	Textbooks and Instructional Materials in use are standards aligned and officially adopted	Yes	0%
Dụng Cụ tại Phòng Thí Nghiệm Khoa Học (lớp 9-12)	Science labs are adequately equipped	Yes	0%

Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến

Overview

The District makes every effort to ensure that all schools are clean, safe, and functional. To assist in this effort, the district uses a facility survey instrument developed by the State of California Office of Public School Construction. The results of this survey are available at the school office and at the district office.

Cleaning Process and Schedule

The district's Board of Trustees has adopted cleaning standards for all schools in the district. The Leadership Team works daily with the custodial staff to develop cleaning schedules to ensure a clean and safe school.

Deferred Maintenance Budget

The district participates in the State School Deferred Maintenance Program, which provides state matching funds on a dollar-for-dollar basis, to assist school districts with expenditures for major repair or replacement of existing school building components. Typically, this includes roofing, plumbing, heating, air conditioning, electrical systems, interior or exterior painting, and floors systems.

Age Of School Buildings

The main school campus was constructed in 1956. In previous years portable buildings have been added to accommodate increased student population and diverse program needs. We have ten portables that serve as classrooms throughout each period of every school day.

In addition, our newest building facility is the 100 building that was completed in Spring 2015. The 100 building includes art classrooms, computer labs, general classrooms and lab science classrooms with an interior hallway with display cases.

Modernization Projects

During the 2016-2017 school year, local Measure E, state matching funds and Emergency Repair Funds were used to renovate and repair existing facilities.

The main quad is being renovated to include seating, large presentation area, shade and learning areas in a modern design that will be completed by December 2017. Windows in the main gym are being replaced and the original frame is getting repaired. Outdoor basketball courts are being renovated with the installation of new outdoor volleyball courts near the main gym. The following buildings had the roof renovated and replaced: Building D (cafeteria & Music Hall), Building K (Advisor's Office), boy's locker room, girl's locker room, small gym, main gym, 200 building, 300 building, 400 building and 500 building. Another completed project was the installation of new HVAC units in Building K, 200, 400 and 500 buildings.

Năm và tháng của báo cáo FIT gần nhất:

Sept. 2021

Hệ Thống Được Kiểm Tra	Tỷ lệ Tốt	Tỷ lệ Bình thường	Tỷ lệ Không Tốt	Công Việc Sửa Chữa Cần Thiết và Hành Động Đã hoặc Dự Định Thực Hiện
Hệ thống: Rò rỉ Ga, Cơ khí/Hệ thống Sưởi, thông gió và điều hòa không khí (HVAC), Cổng rãnh	X			
Bên trong: Các Bề Mặt Bên trong	X			Found water leak stains on ceiling tiles, no current signs of leak.
Sạch Sẻ: Sự Sạch Sẻ Tổng Quát, Sự Quấy Phá Của Chuột Bọ/Sâu Mọt	X			
Điện	X			Missing cover plate.
Phòng Vệ Sinh/Vòi Nước Máy: Phòng Vệ Sinh, Bồn Rửa/Vòi Nước Máy	X			Found leaking faucet, shower leaks and missing mirrors, plumber to look into leaks.
Bảo vệ: An Toàn Hỏa Hoạn, Vật Liệu Nguy Hiểm	X			Missing fire extinguisher.
Cấu Trúc: Thiệt Hại về Cấu Trúc, Mái Nhà	X			

Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến

Bên Ngoài:

Sân Chơi/Sân Trường, Cửa Sổ/Cửa Ra Vào/Cổng/Hàng Rào

X

Tỷ lệ cơ sở vật chất tổng thể

Hoàn hảo	Tốt	Bình thường	Không Tốt
	X		

B. Các Kết Quả Của Học Sinh: Ưu tiên của Tiểu bang: Ưu tiên của Tiểu bang

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Thành Tích Học Tập của Học Sinh (Ưu Tiên 4):

Các đánh giá của tiểu bang

(tức là, Hệ Thống Thẩm Định Thành Tích Học Tập và Tiến Bộ của Học Sinh tại California [CAASPP], bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Thẩm Định Thay Thế của California [CAAs] cho văn chương Anh Ngữ/Đọc Viết [ELA] và môn toán được tổ chức từ lớp ba tới lớp tám và lớp mười một. Chỉ các học sinh hội đủ điều kiện có thể tham gia dự thi CAAs. Các mục của CAAs phải phù hợp với các tiêu chuẩn thành tích học tập thay thế, được liên kết với các Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang [CCSS] cho học sinh bị khuyết tật nhận thức nặng).

Hệ thống CAASPP bao gồm các đánh giá và yêu cầu về sự tham gia của học sinh như sau:

1. **Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn và CAA đối với môn ELA** cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
2. **Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn và CAA đối với môn Toán** cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
3. **Bài Kiểm Tra Khoa học California (CAST) và CAA đối với môn Khoa học** cho học sinh lớp năm, lớp tám và một lần ở trường trung học (tức lớp 10, 11 hoặc 12).

Báo cáo SARC trong năm học 2020 – 2021

Trong trường hợp có lựa chọn khả thi nhất, LEA phải thực hiện bài đánh giá tổng kết toàn tiểu bang cho môn ELA và Toán. Trong trường hợp đánh giá tổng kết trên toàn tiểu bang không phải là lựa chọn khả thi nhất cho LEA (hoặc cho một hoặc nhiều cấp lớp trong LEA) do tình hình dịch bệnh, LEA được phép báo cáo kết quả từ một kỳ thi đánh giá khác đáp ứng các tiêu chí do Ủy ban Giáo dục Tiểu bang (SBE) thiết lập vào ngày 16 tháng 3 năm 2021. Các kỳ thi đánh giá phải:

- Phù hợp với Tiêu chuẩn cốt lõi chung của bang California cho môn ELA và Toán;
- Dành cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11; và
- Được quản lý thống nhất trên một cấp lớp, khoảng lớp, trường học hoặc khu học chánh đối với tất cả các học sinh đủ điều kiện.

Tùy chọn

Lưu ý rằng các kỳ thi đánh giá thay thế của bang California (CAA) chỉ có thể được thực hiện trực tiếp tuân theo các yêu cầu về sức khỏe và an toàn. Nếu LEA không thể thực hiện CAA trực tiếp với các hướng dẫn về sức khỏe và an toàn tại địa điểm thi, LEA được phép không thực hiện các bài kiểm tra. Không có tùy chọn đánh giá nào khác cho CAA. Các trường thực hiện bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn cho môn ELA và Toán, các bài đánh giá khác đáp ứng các tiêu chí trong SBE hoặc kết hợp cả hai, và chỉ có thể chọn một trong những tùy chọn sau:

- Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn môn ELA và Toán;
- Các bài đánh giá khác đáp ứng các tiêu chí trong SBE; hoặc
- Kết hợp cả bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn môn ELA và Toán và các bài đánh giá khác.

Phần trăm học sinh đã hoàn tất thành công các khóa học đáp ứng các yêu cầu vào Trường Đại Học California (University of California) và Trường Đại Học Tiểu Bang California (California State University), hoặc các khoá kỹ thuật học nghề hoặc chương trình học tập.

Phần trăm học sinh đạt điểm ở mức Khá hoặc Giỏi trong CAASPP

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP cho môn ELA và Toán của tất cả học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện.

Các ô dữ liệu năm học 2019 – 2020 có giá trị N/A thể hiện rằng các dữ liệu này không khả dụng do đại dịch COVID-19 dẫn đến việc tạm dừng bài kiểm tra tổng kết. Sắc lệnh N-30-20 được ban hành đã miễn trừ các yêu cầu đánh giá, trách nhiệm và báo cáo đối với năm học 2019 – 2020.

Các ô dữ liệu năm học 2020 – 2021 có giá trị N/A vì những dữ liệu này không thể so sánh với dữ liệu năm khác do đại dịch COVID-19 trong suốt năm học 2020 – 2021. Trong trường hợp các kỳ thi CAASPP môn ELA và/hoặc Toán không phải là tùy chọn khả thi nhất, LEA được phép thực hiện các kỳ thi đánh giá nội bộ. Dữ liệu năm học 2020 – 2021 trong dữ liệu các năm của trường, học khu và tiểu bang không phải không thích hợp để so sánh. Do đó việc so sánh kết quả của năm học 2020 – 2021 với các năm học khác là không phù hợp.

Môn học	Trường 2019-20	Trường 2020-21	Học khu 2019-20	Học khu 2020-21	Tiểu bang 2019-20	Tiểu bang 2020-21
Văn Chương Anh Ngữ/Đọc Viết (lớp 3-8 và lớp 11)	Không có thông tin	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Toán (lớp 3-8 và lớp 11)	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A

2020-21 Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong ELA theo Nhóm Học Sinh

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện. CDE sẽ hoàn thiện bảng này cho các trường trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi CAASPP. Trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi đánh giá nội bộ thay vì CAASPP, CDE sẽ điền giá trị "NT" vào bảng này, nghĩa là trường này không sử dụng kỳ thi CAASPP để đánh giá học sinh. Xem bảng (các) kỳ thi đánh giá nội bộ để biết thêm thông tin.

Môn học	Tổng Ghi danh	Số Đi thi	Phần trăm Đi thi	Phần trăm Không Đi thi	Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	464	243	52.37	47.63	46.19
Nữ	230	120	52.17	47.83	46.09
Nam	234	123	52.56	47.44	46.28
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0	0	0	0	0
Người gốc Châu Á	190	106	55.79	44.21	55.66
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	13	4	30.77	69.23	--
Người Phi Luật Tân	13	9	69.23	30.77	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	229	114	49.78	50.22	34.26
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	--	--	--	--	--
Người mang Hai hoặc Nhiều Chứng tộc	--	--	--	--	--
Người Da trắng	--	--	--	--	--
Sinh viên nói tiếng anh	137	69	50.36	49.64	11.59
Những đứa con nuôi	0	0	0	0	0
Vô gia cư	--	--	--	--	--
Quốc phòng	0	0	0	0	0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	323	155	47.99	52.01	42.38
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	--	--	--	--	--
Học sinh khuyết tật	62	24	38.71	61.29	9.52

2020-21 Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Môn Toán theo Nhóm Học Sinh

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP Môn Toán theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện. CDE sẽ hoàn thiện bảng này cho các trường trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi CAASPP. Trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi đánh giá nội bộ thay vì CAASPP, CDE sẽ điền giá trị "NT" vào bảng này, nghĩa là trường này không sử dụng kỳ thi CAASPP để đánh giá học sinh. Xem bảng (các) kỳ thi đánh giá nội bộ để biết thêm thông tin.

Môn học	Tổng Ghi danh	Số Đi thi	Phần trăm Đi thi	Phần trăm không Đi thi	Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	464	208	44.83	55.17	27.54
Nữ	230	104	45.22	54.78	18.45
Nam	234	104	44.44	55.56	36.54
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0	0	0	0	0
Người gốc Châu Á	190	100	52.63	47.37	46.00
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	13	4	30.77	69.23	--
Người Phi Luật Tân	13	8	61.54	38.46	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	229	87	37.99	62.01	9.30
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	--	--	--	--	--
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	--	--	--	--	--
Người Da trắng	--	--	--	--	--
Sinh viên nói tiếng anh	137	64	46.72	53.28	25.40
Những đứa con nuôi	0	0	0	0	0
Vô gia cư	--	--	--	--	--
Quốc phòng	0	0	0	0	0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	323	136	42.11	57.89	26.47
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	--	--	--	--	--
Học sinh khuyết tật	62	18	29.03	70.97	5.56

Kết quả kỳ thi đánh giá nội bộ môn ELA theo nhóm học sinh năm học 2020 – 2021 ()

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi đánh giá nội bộ môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11. LEA/nhà trường sẽ hoàn thiện bảng này cho các trường trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi đánh giá nội bộ. Trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi CAASPP, LEA/nhà trường sẽ điền giá trị “N/A” vào tất cả các ô, nghĩa là bảng này Không áp dụng cho trường này.

Môn học	Tổng Ghi danh	Số Đi thi	Phần trăm Đi thi	Phần trăm không Đi thi	Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh					
Nữ					
Nam					
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa					
Người gốc Châu Á					
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi					
Người Phi Luật Tân					
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh					
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình					
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc					
Người Da trắng					
Sinh viên nói tiếng anh					
Những đứa con nuôi					
Vô gia cư					
Quốc phòng					
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn					
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành					
Học sinh khuyết tật					

*Bảng hoặc trên mức tiêu chuẩn theo cấp lớp trong trường hợp kỳ thi đánh giá nội bộ được thực hiện.

Kết quả kỳ thi đánh giá nội bộ môn Toán theo nhóm học sinh năm học 2020 – 2021 ()

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi đánh giá nội bộ Môn Toán theo nhóm học sinh cho học sinh lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11. LEA/nhà trường sẽ hoàn thiện bảng này cho các trường trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi đánh giá nội bộ. Trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi CAASPP, LEA/nhà trường sẽ điền giá trị “N/A” vào tất cả các ô, nghĩa là bảng này Không áp dụng cho trường này.

Môn học	Tổng Ghi danh	Số Đi thi	Phần trăm Đi thi	Phần trăm không Đi thi	Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh					
Nữ					
Nam					
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa					
Người gốc Châu Á					
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi					
Người Phi Luật Tân					
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh					
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình					
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc					
Người Da trắng					
Sinh viên nói tiếng anh					
Những đứa con nuôi					
Vô gia cư					
Quốc phòng					
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn					
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành					
Học sinh khuyết tật					

*Bảng hoặc trên mức tiêu chuẩn theo cấp lớp trong trường hợp kỳ thi đánh giá nội bộ được thực hiện.

Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Khoa Học cho Tất Cả Các Học Sinh

Bảng này cho biết phần trăm học sinh lớp 5, 8 và học sinh trung học đạt điểm ở mức Khá hoặc Giỏi.

Các ô dữ liệu năm học 2019 – 2020 có giá trị N/A thể hiện rằng các dữ liệu đó không có sẵn do đại dịch COVID-19 dẫn đến việc trì hoãn bài kiểm tra định kỳ. Sắc lệnh N-30-20 được ban hành đã miễn trừ các yêu cầu đánh giá, trách nhiệm và báo cáo đối với năm học 2019 – 2020.

Các ô dữ liệu năm học 2020 – 2021 có giá trị N/T thể hiện rằng trường này không sử dụng kỳ thi CAASPP môn Khoa học để đánh giá học sinh.

Môn học	Trường 2019-20	Trường 2020-21	Học khu 2019-20	Học khu 2020-21	Tiểu bang 2019-20	Tiểu bang 2020-21
Khoa học (lớp 5, lớp 8 và Trung học phổ thông)	Không có thông tin	NT	N/A	NT	N/A	28.72

2020-21 Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Khoa Học theo Nhóm Học Sinh

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và học sinh trung học. Các ô dữ liệu có giá trị N/T thể hiện rằng trường này không sử dụng kỳ thi CAASPP môn Khoa học để đánh giá học sinh.

Nhóm Học sinh	Tổng Ghi danh	Số Đi thi	Phần trăm Đi thi	Phần trăm không Đi thi	Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	429	NT	NT	NT	NT
Nữ	212	NT	NT	NT	NT
Nam	217	NT	NT	NT	NT
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	NT	NT	NT	NT
Người gốc Châu Á	188	NT	NT	NT	NT
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	--	NT	NT	NT	NT
Người Phi Luật Tân	17	NT	NT	NT	NT
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	208	NT	NT	NT	NT
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	0	0	0	0	0
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	--	NT	NT	NT	NT
Người Da trắng	--	NT	NT	NT	NT
Sinh viên nói tiếng anh	130	NT	NT	NT	NT
Những đứa con nuôi	0	0	0	0	0
Vô gia cư	0	0	0	0	0
Quốc phòng	0	0	0	0	0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	274	NT	NT	NT	NT
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	--	NT	NT	NT	NT
Học sinh khuyết tật	35	NT	NT	NT	NT

2020-21 Chương Trình Giáo Dục Kỹ Thuật Nghề Nghiệp

Our high school offers courses intended to help students prepare for the world of work. These career technical education courses (CTE, formerly known as vocational education) are open to all students. The primary representative of the district's CTE advisory committee is Timothy Nguyen who works with representatives from the following industries; Arts, media and entertainment, building and construction trades, business and finance, education, child development and family services, engineering and architecture, health science and medical technology, hospitality, tourism and recreation, marketing sales and service, public services, and transportation.

The Andrew Hill programs fit within the instructional day, taking either the place of a core academic course, an elective, or an additional course offered after school in conjunction with a local community college. Many of these courses are incorporated into larger academies with teams of teachers regularly meeting to review student progress and offer supports for those students who are struggling as well as evaluating the progress of students through the program.

Courses/Programs include:

Health & Human Services:

Health Science Prep
Elements of Nursing
Pharmacy Clerk
Medical Terminology
Certified Nursing Assistant
Personal & Community Health

Multi Media:

Multimedia 1
Multimedia 2
Digital Photo 1
Multimedia 3

Family and Consumer Sciences:

Nutrition/health/Foods
International Cuisine
Early Childhood

Additionally, students are able to sign up to take courses at the Silicon Valley Career Technical Education Center (SVCTEC) where they can enroll in a variety of programs including, but not limited to, Forensic Sciences, Veterinary Tech., and Auto Body Repair.

Our measurable outcomes include student grades, college acceptance rates, CST scores, SBAC scores, CAHSEE passing rates, student retention rates, graduation rates, and A-G eligibility. These are evaluated year over year by program coordinators to assess success rates of the programs.

2020-21 Tham gia Giáo Dục Kỹ Thuật Nghề Nghiệp (CTE)

Tiêu chuẩn Đo lường	Tham gia Chương trình Giáo dục Kỹ thuật Nghề nghiệp (CTE)
Số Học Sinh Tham Gia CTE	848
Phần trăm học sinh hoàn tất một Chương trình CTE và có bằng tốt nghiệp trung học	84.2
Phần trăm khóa học CTE được sắp xếp theo trình tự hoặc chuyển tiếp giữa trường học và các cơ sở giáo dục sau trung học cơ sở	15.2

Ghi danh khóa học/hoàn thành

Bảng này cho biết việc ghi danh khóa học/hoàn thành các yêu cầu nhập học của Đại học California (UC) và/hoặc Đại học Bang California (CSU).

Tiêu Chuẩn Đo Lường Khóa Học UC/CSU	Phần trăm
Các Học sinh Năm học 2020-2021 Ghi danh vào Các Khóa học Bắt buộc để	98.46
2019-2020 Các Học sinh Tốt nghiệp Năm học 2019-2020 Đã Hoàn thành Tất cả Các Khóa học Bắt buộc để Vào UC/CSU	42.7

B. Các Kết Quả Của Học Sinh: Ưu tiên của Tiểu bang: Kết Quả Học Tập Khác của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Kết quả Học Tập Khác của Học Sinh (Ưu Tiên 8): Kết quả học tập của học sinh trong lĩnh vực môn học giáo dục thể chất.

2020-21 Kết Quả Kiểm Tra Sức Khỏe Thân Thể California

Do đại dịch COVID-19, bài Kiểm tra thể chất cho năm học 2020 – 2021 đã bị tạm dừng, do đó, không có dữ liệu nào được báo cáo và mỗi ô trong bảng này được điền giá trị "N/A".

Cấp lớp	Phần trăm học sinh đạt Bốn trên Sáu Tiêu Chuẩn Sức Khỏe	Phần trăm học sinh đạt Năm trên Sáu Tiêu Chuẩn Sức Khỏe	Phần trăm học sinh đạt Sáu trên Sáu Tiêu Chuẩn Sức Khỏe
Lớp 5	N/A	N/A	N/A
Lớp 7	N/A	N/A	N/A
Lớp 9	N/A	N/A	N/A

C. Tham Gia

Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh (Ưu Tiên 3): Các nỗ lực của học khu nhằm tìm kiếm ý kiến đóng góp từ phía phụ huynh trong việc đưa ra quyết định cho học khu và mỗi địa điểm trường.

2021-22 Cơ Hội Tham Gia cho Phụ Huynh

Andrew P Hill has a Parent and Community Involvement Specialists, Mrs. Rita Luna and Mrs. Linh To to actively support parents and all stakeholders within our school setting. Both Mrs. Luna and Mrs. To organize numerous monthly parent groups such as the English Language Learner Advisory Committee (ELAC), Coffee with the Principal and Attendance Review Committee (ARC). They both assist our Counseling Department in providing an evening and morning Marking Period Grade Conferences for all parents with a total of 5 being offered. Parents can find Mrs. Luna in the Principal's Office at (408)347-4294 and Mrs. To at (408)347-4174.

Andrew P. Hill is committed to including parents in the decision making process at the school site. The Andrew Hill School Site Council is the main governance body on campus. The committee includes parents, community members, students, administration, certificated staff, and classified staff members. This body is responsible for allocating categorical funds at the school site which are aligned the school goals as identified in the Single Plan for Student Achievement. The Council's primary function is in supporting socio-economically disadvantaged students, special needs students, and English Language Learners

2021-22 Cơ Hội Tham Gia cho Phụ Huynh

at the school site. The contact person for this group is the site Principal who can be reached at (408) 347-4110.

The English Language Learner Advisory Committee (ELAC) is another governance body of elected parent and elected student members who support English Learners at the school site. Parents of English Learners meet once a month to discuss various topics related to state, district and site educational decisions. These meetings are led and organized by our Parent and Community Involvement Specialists, Mrs. Rita Luna for Spanish speakers and Linh To for Vietnamese speakers. The contact person for this organization is the school Associate Principal, APED Monica Schneider, at (408)347-4130.

C. Tham Gia

Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Học Sinh (Ưu Tiên 5):

- Tỷ lệ bỏ học trung học;
- Tỷ lệ tốt nghiệp trung học; và
- Vắng mặt Kéo dài

Tỷ Lệ Bỏ Học và Tỷ Lệ Tốt Nghiệp (Tỷ Lệ Đoàn Hệ Bốn Năm)

Chỉ báo	Trường 2018-19	Trường 2019-20	Trường 2020-21	Học khu 2018-19	Học khu 2019-20	Học khu 2020-21	Tiểu bang 2018-19	Tiểu bang 2019-20	Tiểu bang 2020-21
Tỷ Lệ Bỏ Học	8.9	11.0	10.0	15.6	14.5	14.0	9.0	8.9	9.4
Tỷ Lệ Tốt Nghiệp	87.1	84.2	78.5	77.5	78.4	77.2	84.5	84.2	83.6

Tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm học sinh (tỷ lệ theo niên khóa bốn năm) năm học 2020 – 2021

Bảng này cho biết tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm học sinh năm học 2020 – 2021. Để biết thông tin về Tỷ lệ tốt nghiệp theo niên khóa bốn năm đã điều chỉnh (ACGR), vui lòng truy cập trang web Tỷ lệ tốt nghiệp theo niên khóa đã điều chỉnh của CDE tại www.cde.ca.gov/ds/ad/acgrinfo.asp.

Nhóm Học sinh	Số học sinh trong niên khóa	Số học sinh tốt nghiệp trong niên khóa	Tỷ lệ tốt nghiệp theo niên khóa
Bất kỳ học sinh	460	361	78.5
Nữ	222	179	80.6
Nam	238	182	76.5
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--
Người gốc Châu Á	195	178	91.3
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	--	--	--
Người Phi Luật Tân	17	17	100.0
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	232	153	65.9
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình	0	0	0.00
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	--	--	--
Người Da trắng	--	--	--

Sinh viên nói tiếng anh	170	123	72.4
Những đứa con nuôi	--	--	--
Vô gia cư	41	21	51.2
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	--	--	--
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho	--	--	--
Học sinh khuyết tật	42	25	59.5

Tình trạng vắng mặt thường xuyên theo nhóm học sinh năm học 2020 – 2021

Nhóm Học sinh	Ghi danh tích lũy	Vắng mặt thường xuyên đủ điều kiện ghi danh	Số lần vắng mặt	Tỷ lệ vắng mặt thường xuyên
Bắt kỳ học sinh	2019	1946	338	17.4
Nữ	1013	981	152	15.5
Nam	1006	965	186	19.3
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	4	4	1	25.0
Người gốc Châu Á	678	661	40	6.1
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	56	54	13	24.1
Người Phi Luật Tân	73	72	9	12.5
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	1142	1093	263	24.1
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	8	8	0	0.0
Người mang Hai hoặc Nhiều Chung tộc	20	18	5	27.8
Người Da trắng	37	35	6	17.1
Sinh viên nói tiếng anh	633	606	119	19.6
Những đứa con nuôi	10	8	4	50.0
Vô gia cư	90	85	25	29.4
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	1364	1312	260	19.8
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	8	8	2	25.0
Học sinh khuyết tật	254	246	89	36.2

C. Tham Gia

Ưu tiên của Tiểu bang: Không Khí Nhà Trường

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Không Khí Nhà Trường (Ưu Tiên 6):

- Tỷ lệ học sinh bị đình chỉ;
- Tỷ lệ học sinh bị đuổi học; và
- Các tiêu chuẩn đo lường khác của địa phương về cảm giác an toàn.

Đình Chỉ và Đuổi Học

Bảng này cho biết dữ liệu về việc đình chỉ và buộc thôi học được thu thập từ tháng 7 năm trước đến tháng 6 năm sau, tương ứng với một năm học.

Dữ liệu được thu thập trong năm học 2020 – 2021 sẽ không so sánh được với những năm học trước do sự khác biệt trong phương thức học tập để đối phó với đại dịch COVID-19.

Môn học	Trường 2018-19	Trường 2020-21	Học khu 2018-19	Học khu 2020-21	Tiểu bang 2018-19	Tiểu bang 2020-21
Đình chỉ	4.22	0.00	3.37	0.03	3.47	0.20
Đuổi học	0.00	0.00	0.05	0.00	0.08	0.00

Bảng này cho biết dữ liệu về việc đình chỉ và buộc thôi học được thu thập từ tháng 7 năm trước đến tháng 2 năm sau, một phần của năm học do đại dịch COVID-19. Các dữ liệu về tỷ lệ bị đình chỉ và buộc thôi học không được so sánh với dữ liệu của các năm khác do năm học 2019 – 2020 chỉ diễn ra một phần vì dịch COVID-19. Do đó, việc so sánh tỷ lệ bị đình chỉ và buộc thôi học trong năm học 2019 – 2020 với các năm trước là không phù hợp.

Môn học	Trường 2019-20	Học khu 2019-20	Tiểu bang 2019-20
Đình chỉ	3.14	2.87	2.45
Đuổi học	0.10	0.03	0.05

Tình trạng đình chỉ và buộc thôi học theo nhóm học sinh năm học 2020 – 2021

Nhóm Học sinh	Suspensions Rate	Expulsions Rate
Bất kỳ học sinh	0.00	0.00
Nữ	0.00	0.00
Nam	0.00	0.00
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0.00	0.00
Người gốc Châu Á	0.00	0.00
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	0.00	0.00
Người Phi Luật Tân	0.00	0.00
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	0.00	0.00
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình Dương	0.00	0.00
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	0.00	0.00
Người Da trắng	0.00	0.00
Sinh viên nói tiếng anh	0.00	0.00
Những đứa con nuôi	0.00	0.00
Vô gia cư	0.00	0.00
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	0.00	0.00
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho Di Dân	0.00	0.00
Học sinh khuyết tật	0.00	0.00

2021-22 Kế Hoạch An Toàn Trường Học

The 2021-2022 School Safety Plan which was created by the Safety Team Committee was reviewed and approved by the School Site Council and the East Side Union High School District Board of Trustees.

The safety plan is comprehensive, enforceable, and continuous: The process for our Behavior policy, Rules and regulations, Protocols for safety/emergency drills, Tardy policy, Attendance policy, Referral process are aligned with those of East Side Union High School District Policy. Additionally, Andrew Hill High School has for the past ten years implemented a Common Dress Policy on site. It also contains the yearly safety goals as determined by the students, staff, and parents. The goals for the 2021-2022 School Safety Plan are:

- 1) By January, 2022 100% of all staff will report incidents of bullying and harassment, observed or reported to them.
- 2) By January 2022, there will be a 10% decrease in the number of incidents involving drugs, tobacco and alcohol use before, after or during the school day.
- 3) By January of 2022 there will be a decrease in the number of incidents related to EC 48900 (k) (disrupted school activities or willfully defied valid authority) by 20%.

The plan outlines protocols, systems, and procedures in the event of any/all emergencies. The Safety Plan and drill procedures are reviewed during the year with all staff. All drills are completed twice a year and the results are shared with staff. Safety alerts are shared with all staff as needed throughout the school year.

Members of the Safety Team attend the San Jose City Mayor's Gang Prevention Task Force and the Region 8 Safety meetings which are held monthly. These meetings include representatives from community agencies and local feeder schools, and provide us additional opportunities to seek out and coordinate additional support services for our students.

Because our staff is committed to support the whole student, we continue to provide non-academic support services. Our Student Multi-Services resources are coordinated by a full-time, licensed social worker. In 2021-22 school year, we are partnering with Santa Clara County Office of Education to provide a Wellness and Mental Health Center along with outside community agencies. The types of services provided reflect the needs of our current student population and are free of charge.

2018-19 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Sĩ Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2019-20. Cột "Số lớp" cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Sĩ số Trung bình Trong lớp	Số lớp có 1-20 học sinh	Số lớp có 21-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	24	28	56	3
Toán	26	19	30	18
Khoa học	26	16	42	4
Khoa học Xã hội	25	21	33	14

2019-20 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2019-20. Cột "Số lớp" cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Sĩ số Trung bình Trong lớp	Số lớp có 1-20 học sinh	Số lớp có 21-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	26	23	62	1
Toán	26	19	24	24
Khoa học	27	13	34	13
Khoa học Xã hội	27	13	33	18

2020-21 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2020-21. Cột "Số lớp" cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Sĩ số Trung bình Trong lớp	Số lớp có 1-20 học sinh	Số lớp có 21-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	24	35	54	3
Toán	25	22	31	17
Khoa học	26	18	38	5
Khoa học Xã hội	26	17	30	16

2020-21 Tỷ lệ Cố vấn Học tập trên số học sinh

Bảng này cho biết tỷ lệ học sinh được phân cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm. Một đơn vị Tương đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức vụ	Tỷ lệ
Cố vấn Học tập trên số học sinh	376.4

2020-21 Cố Vấn Học Tập và Nhân Viên Hỗ Trợ Khác

Bảng này cho biết số lượng nhân viên hỗ trợ FTE được chỉ định cho trường. Một đơn vị Tương Đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức vụ	Số Học Sinh Trung Bình trên mỗi Cố Vấn Học Tập
Cố Vấn (Phát Triển Giao Tiếp/Hành Vi hoặc Nghề Nghiệp)	5
Giáo Viên Truyền Thông Thư Viện (Thủ Thư)	0.4
Nhân Viên Dịch Vụ Truyền Thông Thư Viện (Bán Chuyên)	0
Nhà Tâm Lý Học	1.5
Nhân viên Xã hội	1
Chuyên Gia về Phát Âm/Ngôn Ngữ/Thính Giác	1
Chuyên Gia Nguồn Lực (không giảng dạy)	0

2019-20 Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh và Lương của Giáo Viên tại Địa Điểm Trường

Bảng này cho biết chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên trung bình năm học 2019 – 2020 của trường. Không cần điền dữ liệu vào các ô ghi giá trị Không có thông tin.

Loại	Tổng Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh	Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh (Giới Hạn)	Trong Dự Trù Ngân Sách Mỗi Học Sinh (Không Giới Hạn)	Lương Trung bình Của Giáo Viên
Tên trường	\$10,482	\$1,847	\$8,635	\$100,903
Số Tiền của	N/A	N/A	\$8,406	\$98,287
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: Địa	N/A	N/A	2.7	2.6
Tiểu bang			\$8,444	\$92,222
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: Địa	N/A	N/A	2.2	9.0

2020-21 Các Loại Dịch Vụ được Tài Trợ

Wellness and Mental Health Center

Provides social-emotional and mental health support for all students and is located in room 403. All students are welcome and can self refer or be referred for services by a staff member. Services include group and individual sessions facilitated by our social worker interns or our community based organizations.

IB Professional Development Office

Supports Andrew Hill teachers in effectively implementing researched based instructional strategies in their classroom. Teachers have the opportunity to collaborate in order to align practices using Approaches to Learning and Teaching from IB. The instructional practices of this series focus on the California Standards of the Teaching Profession for Classroom Management and Creating an Effective Classroom Environment.

After School Safety & Enrichment for Teens (ASSETS)

Students have access to over 25 different courses/activities offered after school Monday-Friday. A popular option is the Hill Academy that is open Mondays, Tuesdays and Wednesdays with tutors (peers/adults) along with access to chromebooks, supplies, printers, etc. Students can also attend Weight Training after school that may support their PE classes. Over 150 students participate each day in one of the offered after school activities.

College Access Programs (College & Career Center)

Two University of California College Access Programs provide support to AHHS students via UC Berkeley's DCAC Program and UC Santa Cruz's Cal-SOAP Program. New this year is the 10,000 Degrees College Access Program. Each program has a specific group of students from each grade level but their activities are open to all AHHS students. All three programs are located in C-108.

FAST (Future Advancers of Science and Technology)

Graduate students from Stanford University volunteer their time on specific Saturdays to mentor and support 100 AHHS students exploring science. AHHS students determine a topic or problem they want to research, explore and work towards understanding via science and/or technology. Students share their work at the district science fair and some advance to the County Science fair. Two projects advanced to the state science fair and one project advanced to a national science fair level.

HOSA (Health Occupations Students of America)

AHHS Medical Magnet students participate in the state HOSA activities and competitions that take place in March of each year. HOSA students are provided an activities calendar that will help prepare them for the state competitions. Students advance from the state HOSA competitions to the national HOSA competitions when possible.

Therapeutic Classroom (TC) Support Center

Provides social-emotional support for students in the TC/ED Program based on their individual processing needs. The Center will focus on de-escalation and increasing processing time for each individual student. Services include group and individual sessions facilitated by TC/ED Social Worker and/or Social Worker interns.

After School Supper Program

Food Service provides a free meal to any interested student during the hour right after the last class period. Any student staying on campus for projects, homework time, club meetings and centers listed above are eligible for the free food.

2019-20 Lương Giáo Viên và Nhân Viên Hành Chính

Bảng này cho biết mức lương giáo viên và nhân viên hành chính năm học 2019 – 2020. Để biết thông tin chi tiết về mức lương, xem trang Mạng về Lương Bổng & Quyền Lợi Được Xác Nhận của CDE tại [http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/..](http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/)

Hạng mục	Số Tiền của Học Khu	Mức Trung Bình của Tiểu Bang Dành Cho các Học Khu Trong Cùng Hạng Mục
Lương Khởi Điểm của Giáo Viên	\$60,185	\$54,687
Mức Lương Trung Bình của Giáo Viên	\$98,823	\$92,222
Mức Lương Cao Nhất của Giáo Viên	\$121,954	\$114,208
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Tiểu Học)	\$0	\$143,647
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học Cơ Sở)	\$0	\$145,785
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học)	\$154,344	\$162,322
Mức Lương của Giám Đốc Học Khu	\$293,091	\$258,950
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Giáo Viên	34%	32%
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Nhân Viên Hành Chính	3%	5%

2020-21 Các Khóa Học Nâng Cao (Advanced Placement – AP)

Bảng này cho biết phần trăm học sinh trong các khóa học AP tại trường.

Phần Trăm Học Sinh Tham Gia các Khóa Học AP	14.0
---	------

Bảng này cho biết số lượng các khóa học AP được cung cấp tại trường có ít nhất một học sinh đăng ký khóa học.

Môn học	Số Các Khóa Học AP được Cung Cấp
Khoa Học Máy Tính	1
Tiếng Anh	0
Mỹ thuật và Nghệ Thuật Trình Diễn	0
Ngoại ngữ	4
Toán	3
Khoa học	0
Khoa học Xã hội	2
Tổng số khóa học AP đã cung cấp	10

Phát triển Chuyên môn

Andrew P. Hill High School has been using a 90-minute Professional Development block of time along with weekly 1 hour collaboration blocks for staff to focus on data analysis, common unit lessons and instructional strategies. There has been an increase in the PD blocks of time from 12 days in 2017-18 to now 46 days in 2021-2022. Andrew P. Hill has been using these PD blocks of time to create common unit lessons for all 9th and 10th grade classes as part of the IB Middle Years Program. Staff have been using this time to establish school wide expectations and the common language used in the IB Middle Years Program. The IB Middle Years Program was selected a key focus based on disproportionate data collected from the existing IB Diploma Program that is available for grades 11 and 12. In the last two years, some of the 2 hour blocks have been devoted to school wide common unit lessons that communicate expectations for school wide climate and culture. These PD blocks have used a variety of delivery methods from department, subject matter cohort groups, grade level groups, conference presenters and individual mentoring. At the end of each semester time is spent sharing through gallery walks and other forms student data from common unit lessons as an entire staff along with IB Coordinators providing feedback for the common unit lessons.

The 1 hour blocks of time have remained consistent with 28 days in 2017-18, and 28 days in 2021-22. Staff participate in a rotating weekly 1 hour collaboration meeting every Thursday between: entire staff, department and pathway/program. The agenda focus for each type of meeting will depend on identified group needs by Administrators, Department Chairs and Pathway Coordinators. Professional development is delivered through numerous methods from department groups, subject matter cohorts, pathway groups and workshops depending on topics or needs. Support during implementation is provided by peer support for department and pathway focus areas and staff-administration meetings as needed. Time is devoted to analysis of summative data such as marking period grades, common unit lessons and unit/project specific focus areas.

Bảng này cho biết số ngày đến trường dành riêng cho sự phát triển và tiến bộ không ngừng của nhân viên.

Môn học	2019-20	2020-21	2021-22
Số ngày trong năm học được dành cho việc Phát Triển và Nâng cao Chuyên Môn Thường Xuyên	48	34	46

East Side Union High School District

Phụ lục Thẻ Báo cáo Trách nhiệm của Địa phương (LARC) Năm Học 2020-

Phụ lục Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm của Địa Phương (LARC)

Tổng quan về Phụ Lục Báo Cáo Trách nhiệm của Địa Phương (LARC) Năm Học 2020-21



Vào ngày 14 tháng 7 năm 2021, Ủy ban Giáo dục Tiểu bang California (State Board of Education, SBE) xác định rằng Bộ Giáo dục California (CDE) sẽ sử dụng SARC làm cơ chế để tiến hành thu thập dữ liệu một lần về kết quả kiểm tra tổng hợp cấp LEA của tất cả bài đánh giá tại địa phương của trường được thực hiện trong năm học 2020–2021 để đáp ứng yêu cầu báo cáo của Đạo luật Mọi Học sinh Thành công (Every Students Succeeds Act, ESSA) liên bang đối với Thẻ Báo cáo Trách nhiệm Giải trình của Cơ quan Giáo dục Địa phương (LARC).

Mỗi cơ quan giáo dục địa phương (LEA) sẽ chịu trách nhiệm lập và đăng LARC hàng năm của họ theo ESSA liên bang. Theo thường lệ, CDE sẽ thay mặt cho tất cả LEA lập và đăng các LARC.

Chỉ trong năm học 2020–2021 và các LARC 2020–2021, các LEA được yêu cầu báo cáo kết quả kiểm tra đánh giá tổng hợp tại địa phương của họ ở cấp LEA cho CDE bằng cách điền các bảng bên dưới qua SARC. Những dữ liệu này sẽ được sử dụng để đáp ứng yêu cầu liên bang của LEA đối với LARC của họ. Lưu ý rằng nhà trường và LEA có trách nhiệm đảm bảo rằng tất cả các quy tắc về quyền riêng tư và ngăn chặn dữ liệu của học sinh được áp dụng khi báo cáo dữ liệu trong Bảng 3 và 4 trong Phụ lục theo quy định hiện hành.

Các bảng dưới đây không phải là một phần của mẫu SARC 2020–2021 được SBE phê duyệt mà là cơ chế mà các dữ liệu bắt buộc này sẽ được thu thập từ các LEA.

Nhằm phục vụ mục đích liên quan tới LARC và diễn giải các bảng sau, LEA được định nghĩa là một khu học chánh, một văn phòng giáo dục của quận, hoặc một trường bán công được tài trợ trực tiếp.

Thông tin liên hệ của học khu năm học 2021 – 2022

Tên Học khu	East Side Union High School District
Số điện thoại	(408) 347-5000
Giám đốc	Glenn Vander Zee
Địa chỉ Email	vanderzeeg@esuhsd.org
Website Học khu	www.esuhsd.org

2020-21 Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong ELA theo Nhóm Học Sinh

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện. CDE sẽ hoàn thiện bảng này cho các trường trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi CAASPP. Trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi đánh giá nội bộ thay vì CAASPP, CDE sẽ điền giá trị "NT" vào bảng này, nghĩa là trường này không sử dụng kỳ thi CAASPP để đánh giá học sinh. Xem bảng (các) kỳ thi đánh giá nội bộ để biết thêm thông tin.

CAASPP Nhóm Học sinh	CAASPP Tổng Ghi danh	CAASPP Số Đi thi	CAASPP Phần trăm Đi thi	CAASPP Phần trăm không Đi thi	CAASPP Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	5478	3079	56.21	43.79	70.24
Nữ	2618	1505	57.49	42.51	73.42
Nam	2860	1574	55.03	44.97	67.22
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	13	4	--	69.23	--
Người gốc Châu Á	2130	1530	71.83	28.17	82.51
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	113	43	38.05	61.95	64.29
Người Phi Luật Tân	331	176	53.17	46.83	69.32
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	2317	1019	43.98	56.02	49.85
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	43	14	32.56	67.44	78.57
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	220	118	53.64	46.36	80.51
Người Da trắng	311	175	56.27	43.73	74.29
Sinh viên nói tiếng anh	805	320	39.75	60.25	18.85
Những đứa con nuôi	14	2	14.29	85.71	--
Vô gia cư	--	--	--	--	--
Quốc phòng	0	0	0	0	0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	2642	1270	48.07	51.93	59.21
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	32	15	46.88	53.12	53.33
Học sinh khuyết tật	554	150	27.08	72.92	15.97

Kết quả kỳ thi CAASPP môn Toán theo nhóm học sinh năm học 2020 – 2021

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP Môn Toán theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện. CDE sẽ hoàn thiện bảng này cho các trường trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi CAASPP. Trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi đánh giá nội bộ thay vì CAASPP, CDE sẽ điền giá trị “NT” vào bảng này, nghĩa là trường này không sử dụng kỳ thi CAASPP để đánh giá học sinh. Xem bảng (các) kỳ thi đánh giá nội bộ để biết thêm thông tin.

CAASPP Nhóm Học sinh	CAASPP Tổng Ghi danh	CAASPP Số Đi thi	CAASPP Phần trăm Đi thi	CAASPP Phần trăm không Đi thi	CAASPP Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	5478	2973	54.27	45.73	53.07
Nữ	2618	1445	55.19	44.81	50.62
Nam	2860	1528	53.43	46.57	55.39
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	13	4	--	69.23	--
Người gốc Châu Á	2130	1487	69.81	30.19	75.92
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	113	43	38.05	61.95	30.23
Người Phi Luật Tân	331	167	50.45	49.55	48.80
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	2317	993	42.86	57.14	19.70
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	43	15	34.88	65.12	20.00
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	220	115	52.27	47.73	59.13
Người Da trắng	311	149	47.91		56.08
Sinh viên nói tiếng anh	805	314	39.01	60.99	19.68
Những đứa con nuôi	14	2	14.29	85.71	--
Vô gia cư	--	--	--	--	--
Quốc phòng	0	0	0	0	0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	2642	1229	46.52	53.48	37.73
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	32	13	40.63	59.37	15.38
Học sinh khuyết tật	554	150	27.08	72.92	6.67

Kết quả kỳ thi đánh giá nội bộ môn ELA theo nhóm học sinh năm học 2020 – 2021

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi đánh giá nội bộ môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11. LEA/nhà trường sẽ hoàn thiện bảng này cho các trường trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi đánh giá nội bộ. Trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi CAASPP, LEA/nhà trường sẽ điền giá trị “N/A” vào tất cả các ô, nghĩa là bảng này Không áp dụng cho trường này.

*Bảng hoặc trên mức tiêu chuẩn theo cấp lớp trong trường hợp kỳ thi đánh giá nội bộ được thực hiện.

Kết quả kỳ thi đánh giá nội bộ môn Toán theo nhóm học sinh năm học 2020 – 2021

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi đánh giá nội bộ Môn Toán theo nhóm học sinh cho học sinh lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11. LEA/nhà trường sẽ hoàn thiện bảng này cho các trường trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi đánh giá nội bộ. Trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi CAASPP, LEA/nhà trường sẽ điền giá trị “N/A” vào tất cả các ô, nghĩa là bảng này Không áp dụng cho trường này.

*Bảng hoặc trên mức tiêu chuẩn theo cấp lớp trong trường hợp kỳ thi đánh giá nội bộ được thực hiện.

